

Bản án số: 937/2024/DS-PT

Ngày: 30 - 10 - 2024

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất,  
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử  
dụng đất”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hà Huy Cầu

**Các Thẩm phán:** Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Mai Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ba Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 369/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3066/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1/Bà Nguyễn Thị T (đã chết ngày 24/7/2024);

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T, đồng thời cũng là các nguyên đơn còn lại.

2/Ông Vương Minh S, sinh năm 1971 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn H, huyện H (nay là phường L, thị xã H) tỉnh Tây Ninh;

3/Bà Vương Thị Mộng T1, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh;

4/Bà Vương Thị Mộng T2, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ C, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh;

5/Ông Vương Minh M, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông M:* Ông Thạch Huỳnh N, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Số F Đ, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/Ông Vương Minh Q, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ F ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh;

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, bà T2, ông Q, ông M:* Bà Nguyễn Thị Ý, sinh năm 2001 (có mặt);

Địa chỉ: Số F Đ, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Thị T3 – Đoàn luật sư Thành phố H (xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:*

1/Ông Vương Phú N1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ D, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh;

2/Ông Vương Thanh T4, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh

3/Bà Vương Bích L, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C lầu E, đường A-H, huyện G, thành phố Đ, Đà Loan;

4/Ông Vương Thanh L1, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ D, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh;

5/Bà Vương Thị Mai H, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An

6/Ông Vương Thanh N2, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh

7/Ông Vương Văn V, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông N2:* Luật sư Phạm Thanh Đ – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Ông Vương Văn Đ1, sinh năm 1939 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh

2/Ông Vương Văn T5, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường số B, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh

3/Bà Vương Thị S1 (đã chết ngày 07/3/2021)

4/Bà Vương Thị C, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

5/Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Vương Minh M (nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn, gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Vương Minh S, bà Vương Thị Mộng T1, bà Vương Thị Mộng T2, ông Vương Minh M, ông Vương Minh Q, do ông M đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông bà nội ông là cụ Vương Văn D (chết năm 2005) và cụ Nguyễn Thị K (chết năm 1981). Cụ D và cụ K có 06 người con, gồm: Ông Vương Văn Đ1, ông Vương Văn T5, bà Vương Thị S1, bà Vương Thị C, cha ông là ông Vương Văn D1 (chết năm 1993), ông Vương Văn H1 (đã chết).

Khi cụ D, cụ K còn sống đã chia đất cho các con, ông D1 được chia một phần nay đo ra diện tích là 707m<sup>2</sup>, thửa 326 (hiện là thửa 473), tờ bản đồ 29, tọa lạc tại: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Khi chia, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng, việc chia đất không có giấy tờ nhưng tất cả anh chị em của ông D1 đều biết.

Ông D1 ở xa không sử dụng đất, do phần đất của ông D1 được cho giáp ranh với phần đất của ông H1 được cho nên khi ông H1 làm thủ tục kê khai đăng ký đã đăng ký cả phần đất của ông D1, ông H1 đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/2005/QĐ-UBND(HL) ngày 10-5-2007, ông Vương Văn H1 và vợ là bà Trần Thị T6 đứng tên, đất hiện do các con ông H1 đang quản lý.

Cha ông (ông D1) đã chết vào năm 1993.

Ngày 05-12-2018, mẹ ông là bà Nguyễn Thị T và các anh chị em ông, gồm: Vương Minh S, Vương Thị Mộng T1, Vương Thị Mộng T2, Vương Minh Q và ông là Vương Minh M khởi kiện các con ông H1 là Vương Phú N1, Vương Thanh T4, Vương Bích L, Vương Thanh L1, Vương Thị Mai H, Vương Thanh N2, Vương Văn V, yêu cầu trả đất, yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/2005/QĐ-UBND (HL) ngày 10-5-2007, công nhận cho ông, mẹ ông và các anh chị em ông được quyền sử dụng diện tích 707m<sup>2</sup> đất nêu trên.

Ngày 04-7-2019, mẹ con ông có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế phần đất mà cụ D, cụ K để lại cho cha ông là ông Vương Văn D1, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/2005/QĐ-UBND(HL) đối với diện tích 707m<sup>2</sup>.

Các phần đất khác mà cụ D và cụ K đã cho ông Đ1, ông T5, bà S1, bà C, ông H1 thì mẹ con ông không tranh chấp, không yêu cầu chia.

*Bị đơn ông Vương Phú N1, ông Vương Thanh L1, ông Vương Thanh N2, ông Vương Văn V và người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Thanh Đ trình bày:*

Ông H1 có 02 người vợ, người vợ thứ nhất là bà Nguyễn Thị S2 (đã chết vào năm 1971), ông H1 và bà S2 có 04 người con, gồm: Ông Vương Phú N1, ông Vương Thanh T4, bà Vương Bích L, bà Vương Thanh L1. Người vợ thứ hai tên Trần Thị T6 (đã chết vào năm 2015), ông H1 và bà T6 có 03 người con, gồm: Bà Vương Thị Mai H, ông Vương Thanh N2, ông Vương Văn V.

Ông N1, ông L1, ông N2, ông V ủy quyền cho ông tham gia tố tụng, họ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất 707m<sup>2</sup>, mà nguyên đơn khởi kiện là tài sản của ông Vương Văn H1, không phải di sản của D, cụ K để lại.

Cha của các bị đơn là ông Vương Văn H1 có 2.595m<sup>2</sup> đất, trong đó gồm đất của cụ D cho vào năm 1975 – 1976 và đất ông H1 mua lại của ông Vương Văn Đ1. Ông H1 sử dụng đất từ năm 1976, trên đất có 03 ngôi nhà, gồm: Nhà của ông H1 xây dựng vào năm 1976 ở chung với ông Vương Thanh L1, nhà này vẫn còn, ông L1 đang ở; nhà của ông Vương Văn V xây dựng vào năm 1995, nhà của ông Vương Phú N1 xây dựng vào năm 2000. Ông H1 và vợ là bà Trần Thị T6 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên vào năm 2007.

Năm 2015, bà T6 chết. Ông H1 phân chia đất cho 04 người con, gồm: Ông L1 phân đất có nhà của ông H1; Ông V phân đất có nhà của ông V, phần đất trống thì chia cho ông N2, ông N2 chưa xây nhà vì chưa có điều kiện, đất của ai được phân chia thì người đó sử dụng nhưng chưa sang tên giấy chứng nhận được vì trong số các con của ông H1 có bà Vương Bích L định cư ở nước ngoài, đến năm 2017 ông H1 chết.

Ông Vương Văn D1 là em ruột của ông H1. Khoảng năm 1980 cụ D có cho ông D1 đất nhưng cho ở vị trí giáp đất ông Vương Văn T5, ông D1 không canh tác, ở vị trí này hiện người khác sử dụng.

Vì vậy, ông N1, ông L1, ông N2, ông V không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Bị đơn ông Vương Thanh T4, bà Vương Thị Mai H trình bày giống nhau: Thống nhất theo ý kiến của ông N1, ông L1, ông N2, ông V*

*Bị đơn bà Vương Bích L: Đang cư trú tại Đài Loan, Tòa án đã ủy thác tư pháp theo địa chỉ do anh chị em của bà L ở Việt Nam cung cấp nhưng Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan trả lời là không thực hiện theo ủy thác được do địa chỉ không chính xác, Tòa án đã thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật nhưng không xác định được địa chỉ của bà L.*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Văn Đ1 trình bày:*

Ông là con của cụ D và cụ K, thống nhất lời trình bày của bà T về những người thừa kế của cụ D và cụ K.

Khi cha mẹ ông còn sống đã chia đất cho các con, mỗi người khoảng hơn 10m ngang, việc cho đất cha mẹ chỉ nói miệng, khi cho thì đất chưa kê khai đăng ký. Sau khi được cho đất, các anh chị đều nhận sử dụng và kê khai đăng ký phần diện tích được cho, chỉ riêng ông D1 là chưa nhận đất. Cha mẹ ông chết

không để lại di chúc, không còn tài sản nào khác, chỉ còn 01 căn nhà các anh em thống nhất để cho ông T5 quản lý, sử dụng. Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Văn T5 trình bày:* Ông là con của cụ D và cụ K, thống nhất lời trình bày của bà T về những người thừa kế của cụ D và cụ K.

Khoảng năm 1980, cha mẹ ông có chia đất cho các con, chỉ nói miệng, không lập giấy tờ, diện tích mỗi người được nhận bao nhiêu thì ông không nhớ. Khi chia, đất chưa kê khai đăng ký, sau khi được chia các anh em tự làm thủ tục kê khai đăng ký. Phần đất của ông D1 được chia giáp ranh với đất của ông H1 và ông Đ1 nhưng ông D1 không sử dụng, vì sao ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không biết.

Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và các con của bà T, ông không tranh chấp hay yêu cầu chia thừa kế của cha mẹ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị C trình bày:* Bà là con của cụ D và cụ K, thống nhất lời trình bày của bà T về những người thừa kế của cụ D và cụ K, thống nhất lời trình bày của ông T5, bà không tranh chấp hay yêu cầu chia trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị S1 đã chết trong quá trình tham gia tố tụng (ngày 07-3-2021), khi còn sống đã trình bày như sau:* Bà là con của cụ D và cụ K, thống nhất lời trình bày của bà T về những người thừa kế của cụ D và cụ K, thống nhất lời trình bày của ông T5, không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân huyện G, do ông Nguyễn Văn N3 đại diện theo pháp luật, có văn bản trình bày:*

Việc Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/QĐ-UBND (HL) ngày 10-5-2007, cho ông Vương Văn H1, đối với 2.595m<sup>2</sup> đất, thửa 56, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại: Ấp P (nay là ấp P), xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh là đúng trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 135 của Nghị định số: 181/20004/NĐ-CP ngày 29-10-2004, của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 nên việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Vương Văn H1 là không có căn cứ.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định như sau:*

1/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, ông Vương Minh S, bà Vương Thị Mộng T1, bà Vương Thị Mộng T2, ông Vương Minh M, ông Vương Minh Q, đối với các bị đơn gồm: Ông Vương Phú N1, ông Vương Thanh T4, bà Vương Bích L, ông Vương Thanh L1, bà Vương Thị Mai H, ông Vương Thanh N2, ông Vương Văn V về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng phần đất 654,1m<sup>2</sup>, thuộc một phần của thửa 473, 475, tờ bản đồ 29, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/QĐ-UBND(HL) ngày 10-5-2007, do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Vương Văn H1 và bà Trần Thị T6 đứng tên, tọa lạc tại: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, theo “Bản trích đo chính lý

bản đồ địa chính” do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T, Chi nhánh huyện G lập, kèm theo bản án.

2/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, ông Vương Minh S, bà Vương Thị Mộng T1, bà Vương Thị Mộng T2, ông Vương Minh M, ông Vương Minh Q về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/QĐ-UBND(HL) ngày 10-5-2007, do Ủy ban nhân dân huyện G cấp, ông Vương Văn H1 và bà Trần Thị T6 đứng tên.

3/Ghi nhận các nguyên đơn không tranh chấp không yêu cầu gì đối với ông Vương Văn Đ1, ông Vương Văn T5, bà Vương Thị C trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03-7-2023 ông Vương Minh M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn ông Vương Minh M (có bà Nguyễn Thị Ý và ông Thạch Huỳnh N là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn (có ông Vương Thanh N2 và bà Vương Thị Mai H là đại diện) không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm với các lý do sau đây:

- Ông H1 sử dụng đất ổn định, công khai lâu dài trên 40 năm không có tranh chấp, tất cả những người trong họ tộc và xóm làng đều biết điều này.

- Quá trình quản lý, sử dụng ông H1 có kê khai, có đăng ký quyền sử dụng đất, trước khi sử dụng quyền sử dụng đất có niêm yết công khai, kết thúc niêm yết không có tranh chấp, đủ điều kiện để Nhà nước cấp quyền sử dụng đất lần đầu, từ khi ông H1 được cấp quyền sử dụng đất không bị ai tranh chấp đến năm 2018 là trên 40 năm.

- Tuy phía nguyên đơn có đưa ra những người làm chứng cho rằng phần đất đang tranh chấp của ông bà cho ông D1 nhưng những người này không đủ điều kiện để trở thành chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bởi lẽ người làm chứng nhưng không khai báo rõ ràng vì sao biết sự việc mình làm chứng, trong lời khai của người làm chứng không nêu được vị trí nào trong phần đất tranh chấp, về thời điểm phân chia đất thì những người làm chứng trình bày không thống nhất.

- Khi ông D1 lúc còn sống đã không có canh tác đất và không ở trên đất, không làm hàng rào đất, dù ông D1 ở tại xã B, huyện D là kế bên đất tranh chấp, địa giới hành chính khác nhau nhưng địa lý là không xa. Ông H1 được cấp quyền sử dụng đất thì ông D1 có biết và không tranh chấp, kể cả việc ông H1 tách thửa rồi phân chia cho nhiều người con. Hiện nay ông D1 đã chết, bà T đã chết, các con ông D1, bà T khởi kiện là không có căn cứ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông H1 kê khai đăng ký, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần đất tranh chấp là đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ông M có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Vương Minh M làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã chết ngày 24-7-2024 theo trích lục khai tử số 676/TLKT-BS ngày 30-7-2024 của Ủy ban nhân dân xã B Căn cứ quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà T được xác định là các nguyên đơn còn lại theo Tờ tường trình về quan hệ nhân thân của ông Vương Minh M được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận ngày 11-9-2024.

[3] Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 654,1m<sup>2</sup>, thuộc một phần của thửa 56, tờ bản đồ 19, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/QĐ-UBND (HL) ngày 10-5-2007 cho ông Vương Văn H1 và bà Trần Thị T6; Ngày 21-12-2012 chính lý thành thửa 326, tờ bản đồ 29; Năm 2016 tách thửa 326 thành 04 thửa: 473, 474, 475, 476, tờ bản đồ 29; Ngày 16-02-2017, điều chỉnh cho ông Vương Văn H1 đứng tên theo thủ tục thừa kế của bà Trần Thị T6 nên hiện tại diện tích đất tranh chấp có 615,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 473, và 38,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 475, tọa lạc tại: Ấp P (nay là ấp P), xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Các bên đương sự trình bày thống nhất nguồn gốc phần đất là của cụ Vương Văn D và cụ Nguyễn Thị K.

[4] Theo các nguyên đơn trình bày thì khi còn sống cụ D, cụ K đã chia cho ông Nguyễn Văn D2 (chồng bà T) phần diện tích đất 707m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 654,1m<sup>2</sup>), thuộc thửa 673 nên khởi kiện yêu cầu các bị đơn (là các con ông Nguyễn Văn H2) trả lại diện tích đất trên và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H2 đối với thửa 673. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị chia thừa kế đối với phần đất mà cụ D, cụ K để lại.

[5] Các bị đơn trình bày phần đất gia đình bị đơn đang quản lý, sử dụng gồm phần diện tích cụ D cho ông H2 vào năm 1975-1976, và một phần ông H2

mua lại của ông Vương Văn Đ1. Gia đình bị đơn đã quản lý, sử dụng đất từ năm 1976, hiện trên đất có 03 căn nhà của anh em bị đơn.

[6] Xét, các nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất đang tranh chấp là phần đất ông D2 được cụ D, cụ K tặng cho từ năm 1980. Vì từ năm 1980 đến năm 1993 (ông D2 chết năm 1993), ông D2 sống ở thị xã T nhưng không nhận đất, không sử dụng, không kê khai đăng ký. Sau khi ông D2 chết, bà T và các con cũng không sử dụng, không kê khai đăng ký, không biết đất ông D2 được cho có kích thước bao nhiêu, ở vị trí nào; Năm 2018 nguyên đơn khởi kiện với lý do nghe bà Vương Thị S1, ông Vương Văn Đ1, ông Vương Văn T5, bà Vương Thị C nói ông D2 được cho đất và cho ở vị trí này, ngoài ra không có chứng cứ nào khác. Trong khi đó, gia đình ông H2 đã quản lý sử dụng đất từ năm 1976; Năm 2007, ông H2 kê khai đăng ký đất thì các nguyên đơn, và anh chị em của ông D2, ông H2 không ai phản đối hay tranh chấp. Do đó, lời trình bày của bị đơn về việc phần đất trên ông H2 đã được cụ D, cụ K cho từ năm 1975-1976 là có căn cứ; Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với diện tích đất trên không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Năm 2007, ông H2 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Hồ sơ cấp giấy thực hiện công khai, không ai tranh chấp, đúng trình tự thủ tục. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/QĐ- UBND(HL) ngày 10-5-2007 cho ông Vương Văn H1, bà Trần Thị T6 đúng tên là đúng theo quy định tại Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của đương sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

I/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Vương Minh M;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự, Điều 203 của Luật Đất đai; Án lệ số: 06/2016/AL đã được công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-CA ngày 06-4-



2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T (nay là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà T), ông Vương Minh S, bà Vương Thị Mộng T1, bà Vương Thị Mộng T2, ông Vương Minh M, ông Vương Minh Q, đối với các bị đơn gồm: Ông Vương Phú N1, ông Vương Thanh T4, bà Vương Bích L, ông Vương Thanh L1, bà Vương Thị Mai H, ông Vương Thanh N2, ông Vương Văn V về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng phần đất 654,1m<sup>2</sup>, thuộc một phần của thửa 473, 475, tờ bản đồ 29, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/QĐ-UBND(HL) ngày 10-5-2007, do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Vương Văn H1 và bà Trần Thị T6 đứng tên, tọa lạc tại: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, theo “Bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính” do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T, Chi nhánh huyện G lập, kèm theo bản án.

2/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T (nay là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà T), ông Vương Minh S, bà Vương Thị Mộng T1, bà Vương Thị Mộng T2, ông Vương Minh M, ông Vương Minh Q về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H000139/237/QĐ-UBND(HL) ngày 10-5-2007, do Ủy ban nhân dân huyện G cấp, ông Vương Văn H1 và bà Trần Thị T6 đứng tên.

3/Ghi nhận các nguyên đơn không tranh chấp không yêu cầu gì đối với ông Vương Văn Đ1, ông Vương Văn T5, bà Vương Thị C trong vụ án này.

4/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Vương Minh M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016706 ngày 03-7-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- ND (6);
- BD (7);
- NLQ (5)
- Lưu (10) 33b (Án BDA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Cầu**

